

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲ CHÂU  
NGHỆ AN

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/02/2022

V/việc “*Tranh chấp HN&GD*”

Mẫu số 52-DS Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP TANDTC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Duệ và ông Phan Văn Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lô Văn Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (*Lần thứ hai*) số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự :

**- Nguyên đơn:** Chị Ngân Thị Ch. Sinh năm 1993.

Trú tại: Khố BB, thị trấn KS, huyện QP, tỉnh NA.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Vi Văn Th. Sinh năm 1992.

Trú tại: Bản XC, xã CB, huyện QC, tỉnh NA.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngân Thị Ch trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị Ngân Thị Ch và anh Vi Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 08/4/2013 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã CB, huyện QC, tỉnh NA theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng nhà với bố mẹ của anh Th tại bản XC, xã CB, huyện QC, tỉnh NA. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, anh Th hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên cãi vã nhau và nhiều lần chị Ch bị anh Th đánh đập, từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ

chung sống không hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị Ngân Thị Ch đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vi Văn Th.

Về quan hệ con cái: Chị Ngân Thị Ch và anh Vi Văn Th có với nhau 02 con chung là Vi Thị Tâm Nh, sinh ngày 16/9/2012 và Vi Gia Ph, sinh ngày 23/6/2014, hiện nay cả hai con chung đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của anh Th là ông Vi Thanh L và bà Lang Thị X tại bản XC, xã CB, huyện QC, tỉnh NA. Ngoài ra vợ chồng không nhận nuôi con nuôi và bản thân chị Ch không có con riêng. Theo nội dung đơn khởi kiện thì chị Ch đề nghị nếu ly hôn được nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000<sup>d</sup> (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Th đều vắng mặt, hiện tại đi làm ăn xa, không biết ở đâu, làm gì nên chị Ch thay đổi ý kiến, không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về quan hệ tài sản: Chị Ngân Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị Ch không yêu cầu bố, mẹ của anh Th và anh Th phải trích chia công sức đóng góp vào khối tài sản chung trong thời gian làm dâu.

Vào thời điểm nộp đơn khởi kiện, do anh Th vắng mặt tại địa phương, chị Ch không biết rõ anh Th đi đâu, làm gì nên đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành tổng đạt bản sao đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo cho anh Vi Văn Th. Về phía Tòa án đã tiến hành tổng đạt bản sao đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo cho anh Th theo quy định, tuy nhiên do anh Th vắng mặt tại địa phương, hiện không rõ đi đâu, làm gì nên không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp. Tòa án đã tiến hành xác minh các thông tin liên quan đến anh Th và lập biên bản niêm yết bản sao đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi giấy triệu cho anh Th đến để làm việc nhưng anh Th đều vắng mặt. Qua xác minh tại UBND xã CB, huyện QC, tỉnh NA được biết, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thì UBND xã CB đã cử người trực tiếp đi giao cho anh Th nhưng không giao được do anh Th không có mặt ở nhà. Xác minh tại Ban Công an xã CB, huyện QC được biết, anh Th có đăng ký thường trú tại bản XC, xã CB, huyện QC, tỉnh NA. Tuy nhiên lâu nay vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, anh Th cũng không khai báo tạm vắng hay cắt chuyển hộ khẩu với chính quyền địa phương. Quá trình giải quyết vụ án và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa (lần thứ nhất, lần thứ hai) cho anh Th nhưng anh Th vắng mặt tại địa phương nên không thực hiện được việc tổng đạt các văn bản tố tụng này. Về phía Tòa án đã tiến hành lập các biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng và tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, con chung của chị Ch và anh Th là các cháu Vi Thị Tâm Nh và Vi Gia Ph đều trình bày: Hiện nay cháu Nh và cháu Ph đang sinh sống cùng với ông bà nội của cháu tại bản XC, xã CB, huyện QC, tỉnh NA; bố, mẹ

của các cháu đều đi làm ăn xa nhưng thường xuyên gọi điện và gửi quà về cho các cháu. Nếu bố mẹ ly hôn thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cố tình che giấu địa chỉ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngân Thị Ch. Xử cho chị Ch được ly hôn với anh Vi Văn Th.

- Về quan hệ con cái: Giao các con chung là cháu Vi Thị Tâm Nh, sinh ngày 16/9/2012 và Vi Gia Ph, sinh ngày 23/6/2014 cho chị Ngân Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vi Văn Th.

Anh Vi Văn Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Ngân Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại huyện QC, tỉnh NA. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QC, tỉnh NA theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vi Văn Th không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cố tình che giấu địa chỉ. Đây là lần thứ hai Tòa án mở phiên tòa và đã triệu tập cũng như niêm yết hợp lệ nhưng anh Th vẫn vắng mặt. Xét thấy bị đơn không có mặt và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 BLTTDS; điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Vi Văn Th theo quy định.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Ch thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đó là trong nội dung đơn khởi kiện chị Ch yêu cầu nếu được giao nuôi con chung sau ly hôn thì yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000<sup>d</sup>, nhưng nay chị Ch không yêu cầu anh Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nữa. Thấy rằng việc thay đổi yêu cầu của chị Ch là tự nguyện,

phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 điều 71 BLTTDS, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị Ngân Thị Ch.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ tình cảm*: Chị Ngân Thị Ch và anh Vi Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 08/4/2013 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định; hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, do đó quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được và đã ly thân từ năm 2016 đến nay, nay chị Ch xin ly hôn. Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ch, cho chị Ngân Thị Ch được ly hôn với anh Vi Văn Th, điều này là phù hợp với thực tế cuộc sống và phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con cái*: Vợ chồng có hai con chung, ngoài ra chị Ch không có con riêng và vợ chồng không nhận nuôi con nuôi. Quá trình nộp đơn khởi kiện thì chị Ch đề nghị được nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000<sup>d</sup> (Hai triệu đồng)/ hai con. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Ch thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đó là không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con nữa. Xét thấy, việc giao con chung chưa trưởng thành cho ai nuôi sau khi vợ chồng ly hôn là xuất phát từ quyền lợi của người con phải được nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất để phát triển bình thường, khỏe mạnh và có cơ hội học tập, ngoài ra còn xem xét đến khả năng của người được giao nghĩa vụ nuôi con và nguyện vọng của con mong muốn được ở với ai. Theo trình bày của hai con chung thì nếu bố mẹ ly hôn thì cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Thấy rằng, bản thân chị Ch có sức khỏe, có thu nhập ổn định để nuôi con, còn bản thân anh Th lâu nay đi làm ăn xa, vắng mặt tại địa phương không xác định được địa chỉ nơi cư trú và làm việc, không xác định được điều kiện sức khỏe, công việc và thu nhập. Do đó yêu cầu của chị Ch là phù hợp với quy định của pháp luật. Cần chấp nhận và giao hai con chung cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vi Văn Th. Sau này giữa các bên có tranh chấp về người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng và nếu có yêu cầu thì sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- *Về quan hệ tài sản và nợ*: Chị Ngân Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ch cũng không yêu cầu bố, mẹ của anh Th và anh Th phải trích chia công sức đóng góp vào khối tài sản chung cho chị Ch trong quá trình chị Ch làm dâu. Do đó không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Ngân Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngân Thị Ch. Cho chị Ngân Thị Ch được ly hôn với anh Vi Văn Th.

2. Về quan hệ con cái: Giao các con chung là Vi Thị Tâm Nh, sinh ngày 16/9/2012 và Vi Gia Ph, sinh ngày 23/6/2014 cho chị Ngân Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vi Văn Th.

Anh Vi Văn Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngân Thị Ch phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Ch đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006311 ngày 22/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QC, tỉnh NA. Chị Ngân Thị Ch đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện QC;
- VKSND tỉnh NA;
- Chi cục THADS huyện QC;
- UBND xã CB, huyện QC;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Võ Văn Dũng***